

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vật liệu xây dựng, chứng khoán và bất động sản với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

CII, NVL

[Cập nhật công ty]

FPT

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm và chỉ trải lệnh mở mua với tỷ trọng nhỏ quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1065 (+-10) và xa hơn tại 1000 (+-15)

28/11/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,095.43	+0.68
VN30	1,088.51	+0.94
HĐTL VN30F1M	1,087.00	+1.02
HNXIndex	224.39	+0.22
HNX30	470.59	+0.50
UPCoM	84.66	+0.19
USD/VND	24,245	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.40	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.14	+2
Dầu (WTI, \$)	75.56	+0.94
Vàng (LME, \$)	2,015.54	+0.07



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,095.43 (+0.68%)
KLGD (triệu CP) 593.3 (+28.9%)
GTGD (triệu U\$) 579.9 (+19.1%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vật liệu xây dựng, chứng khoán và bất động sản với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng 46.59 tỷ đồng, tập trung tại DGC (+0.1%), VPB (+0.8%), VHM (+2.4%).

HNXIndex 224.39 (+0.22%)
KLGD (triệu CP) 77.9 (+31.5%)
GTGD (triệu U\$) 58.3 (+35.8%)

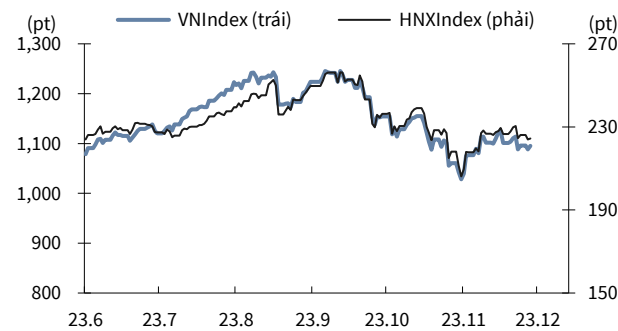
Theo Cục Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn), Việt Nam là nước cung cấp tôm lớn thứ hai thế giới với giá trị xuất khẩu chiếm 13-14% tổng giá trị xuất khẩu tôm toàn thế giới. Cổ phiếu nhóm Thủy hải sản tăng giá ở MPC (+1.17%), IDI (+0.00%).

UPCoM 84.66 (+0.19%)
KLGD (triệu CP) 22.7 (+4.0%)
GTGD (triệu U\$) 13.1 (+15.8%)

Theo báo cáo mới nhất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến 20/11/2023, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 28.85 tỷ USD, tăng 14.8% so với cùng kỳ. Cổ phiếu nhóm BĐS-KCN tăng giá ở IDC (+1.04%), GVR (+1.55%).

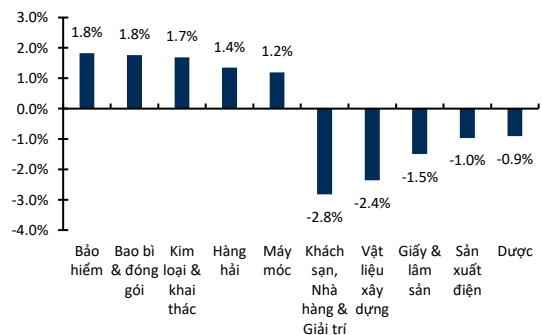
NĐTNN mua ròng (triệu U\$) +2.0

VNIndex & HNXIndex



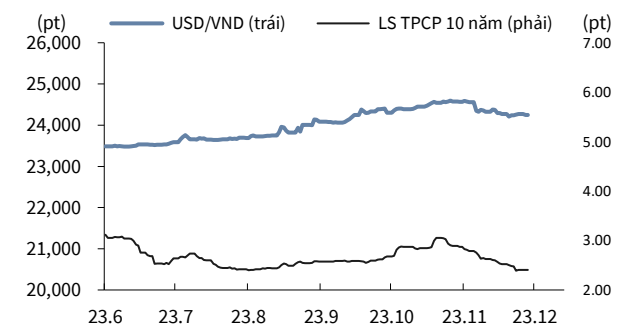
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

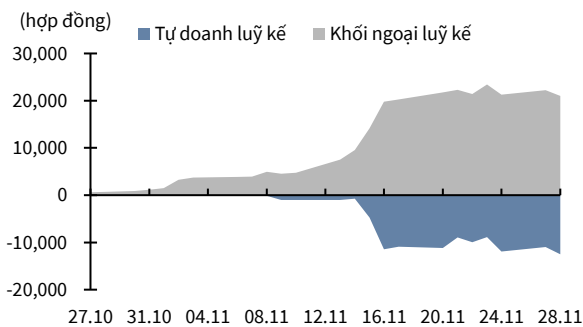
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,088.51 (+0.94%)
VN30F1M	1,087.0 (+1.02%)
Mở cửa	1,077.4
Cao nhất	1,092.6
Thấp nhất	1,068.3
KLGD (HĐ)	286,802 (+34.4%)

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2312 và VN30 mở cửa tại -2.72 điểm, sau đó biến động quanh mức 0 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -1.51 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

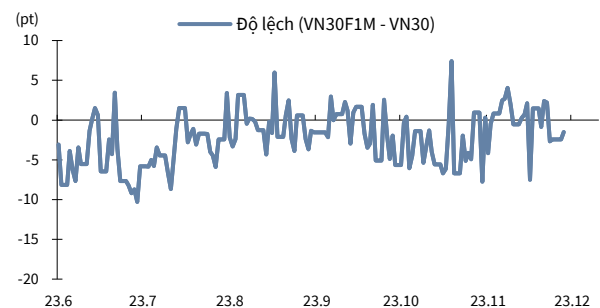
Khối ngoại bán ròng 1,188 HĐTL VN30F2312 nhưng đang duy trì vị thế mua lũy kế 21,019 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 1,528 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 12,512 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



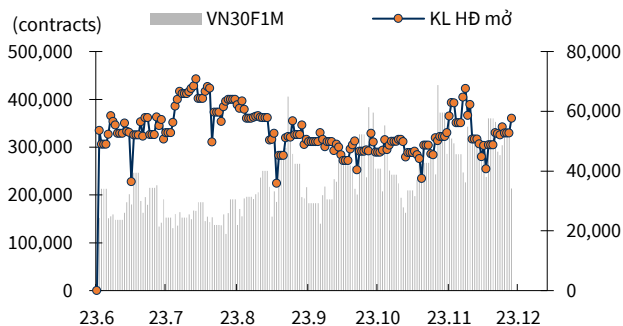
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



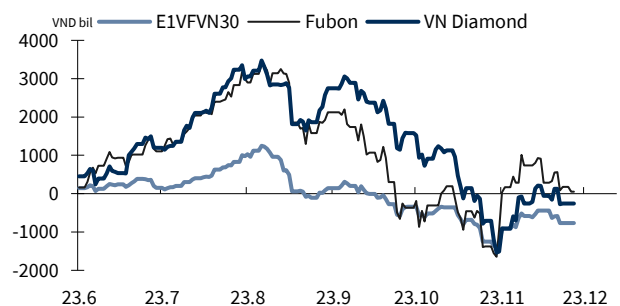
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

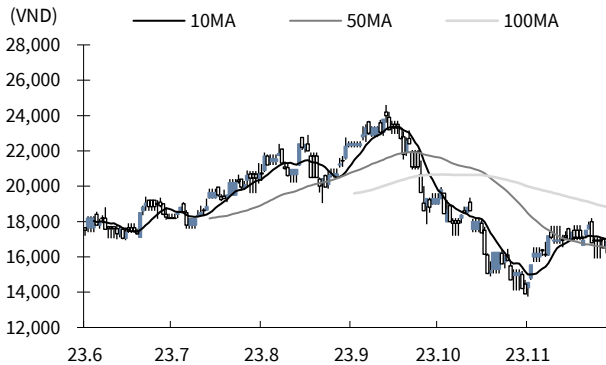
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)

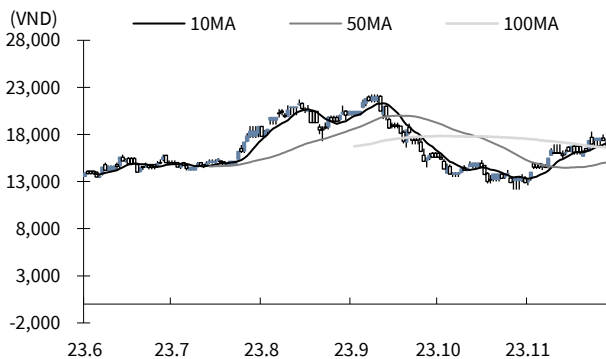


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CII tăng 2.12% lên 16,850 VND/cp

- CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP HCM vừa cho biết UBND tỉnh Tiền Giang đã chấp thuận thay đổi nhà tài trợ tín dụng cho dự án BOT Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận. Qua đó, Ngân hàng Vietcombank sẽ tài trợ số tiền 6,942 tỷ đồng cho dự án nói trên. Dự án được thực hiện theo hợp đồng BOT với mức đầu tư khoảng 12,668 tỷ, cao nhất trong danh mục hiện hữu của CII.

CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NVL tăng 0.58% lên 17,450 VND/cp

- CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ngày 24/11 công bố nghị quyết của HĐQT về việc thông qua việc xem xét, phê duyệt các điều kiện, điều khoản, tài liệu liên quan và hợp đồng vay vốn với Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Long Hưng Phát. Theo đó, Novaland sẽ vay Bất động sản Long Hưng Phát tối đa 100 tỷ đồng trong thời gian tối thiểu là 36 tháng. Khoản vay có lãi suất 7%/năm và không có tài sản đảm bảo.

28/11/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Đình Thuận
 thuannnd@kbsec.com.vn

Doanh thu và lợi nhuận 3Q2023 tiếp nối kết quả tích cực

Doanh thu 3Q2023 của FPT đạt 13,762 tỷ VND (+23% YoY), biên lợi nhuận gộp tương ứng đạt khoảng 40%. Lợi nhuận sau thuế 3Q2023 ghi nhận 2,076 tỷ VND (+18% YoY).

Mảng CNTT nước ngoài: mở rộng hiện diện tại thị trường Mỹ

Luỹ kế 9 tháng, mảng CNTT với doanh thu nước ngoài tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng và ghi nhận nhiều đơn hàng lớn. Cụ thể, doanh thu ký mới 9M2023 đạt 20,700 tỷ VND (+23.2% YoY), trong đó có 20 dự án quy mô trên 5 triệu USD.

Chúng tôi dự phóng tăng trưởng doanh thu cho mảng CNTT trong năm 2024 đạt 25% YoY dựa trên (1) Kỳ vọng doanh thu thị trường Nhật Bản (+30%YoY) và APAC (+30% YoY) tích cực nhờ nhu cầu chuyển đổi số và khả năng thâm nhập của FPT tại 2 thị trường này (2) chi tiêu cho CNTT tại Mỹ và EU được cải thiện trong 2024 (3) Lợi thế chi phí thấp, kinh nghiệm và lợi ích cộng hưởng từ những thương vụ M&A gần đây.

Mảng Giáo dục: đóng góp tích cực vào tăng trưởng

Mảng Giáo dục tiếp tục cho thấy tăng trưởng ổn định. Trong 9M2023, mảng giáo dục duy trì tăng trưởng doanh thu cao, đạt 4,435 tỷ đồng (+43% YoY). Với uy tín đào tạo ra nhiều nhân lực chất lượng trong ngành CNTT, chúng tôi cho rằng mảng giáo dục sẽ thu hút nhiều sinh viên khi nhu cầu học lớn. Trong Quý 3/2023, Trường Đại học FPT thành lập Khoa Vi Mạch Bán, dự kiến sẽ chính thức đào tạo vào 2024.

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 108,500 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá FCFF và P/E, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu FPT. Giá mục tiêu là 108,500 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 19% so với giá tại ngày 28/11/2023.

MUA THAY ĐỔI

Giá mục tiêu VND 108,500

Tăng/giảm (%)	19%
Giá hiện tại (28/11/2023)	VND 91,100
Giá mục tiêu thị trường	VND 111,800
Vốn hóa (tỷ USD/ngành tỷ VND)	4.73/116

Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ VND)	35,657	44,010	53,149	62,674
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	6,228	7,589	9,061	10,640
Lợi nhuận của CD công ty mẹ (tỷ VND)	4,337	5,310	6,411	7,529
EPS (VND)	4,349	4,429	5,048	5,928
Thay đổi EPS (%)	6%	2%	14%	17%
P/E (x)	10.1	16.6	18.0	15.3
P/B (x)	2.0	3.4	4.1	3.6
ROE (%)	0.2	0.3	0.3	0.3
Tỷ suất cổ tức (%)	6%	3%	2%	3%

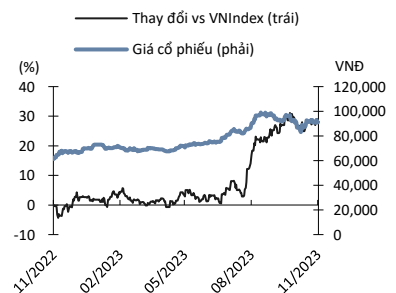
Nguồn: Bloomberg, KBSV

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	85%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	76.03
Sở hữu nước ngoài (%)	49%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-0.9	1.3	29.0	45.7
Tương đối	0.1	10.0	25.0	29.2



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến rung lắc trong phiên trước khi hồi phục và đảo chiều tăng điểm về cuối phiên.
- Lực cầu một lần nữa cho phản ứng tích cực tại quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1065 (+-10) đã giúp cho chỉ số đảo chiều hồi phục ngay trong phiên, đồng thời cho thấy sự chủ động nhập cuộc của phe mua khi VNIndex điều chỉnh về các ngưỡng hỗ trợ. Mặc dù vậy, với việc xu hướng giảm điểm vẫn đang đóng vai trò chủ đạo và các chỉ báo kỹ thuật trên khung ngày vẫn đang cho nhiều tín hiệu kém khả quan hơn, nhiều khả năng chỉ số sẽ gặp áp lực điều chỉnh đáng kể trở lại quanh ngưỡng kháng cự gần 1115 (+-5).
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm và chỉ trải lệnh mở mua với tỷ trọng nhỏ quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1065 (+-10) và xa hơn tại 1000 (+-15).

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1115 - 1118

Kháng cự gần: 1098 - 1103

Hỗ trợ gần: 1068 - 1073

Hỗ trợ xa: 1045 - 1050

- F1 diễn biến rung lắc trong phiên trước khi hồi phục và đảo chiều tăng điểm về cuối phiên.
 - Lực cầu một lần nữa cho phản ứng tích cực tại quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1065 (+10) đã giúp cho F1 đảo chiều hồi phục ngay trong phiên, đồng thời cho thấy sự chủ động nhập cuộc của phe mua khi F1 điều chỉnh về các ngưỡng hỗ trợ. Mặc dù vậy, với việc xu hướng giảm điểm vẫn đang đóng vai trò chủ đạo và các chỉ báo kỹ thuật trên khung ngày vẫn đang cho nhiều tín hiệu kém khả quan hơn, nhiều khả năng F1 sẽ gặp áp lực điều chỉnh đáng kể trở lại quanh ngưỡng kháng cự gần 1115 (+5).
 - Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
 - Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh ngưỡng kháng cự xa.
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

KBSV danh mục đầu tư mẫu

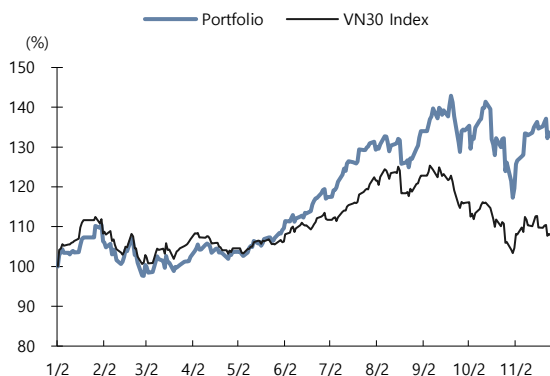
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.94%	1.08%
Tăng lũy kế (YTD)	8.29%	33.29%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 28/11/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	11/01/2023	31,400	1.3%	15.7%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
Phu Nhuận (PNJ)	11/01/2023	79,100	-0.5%	9.9%	- PNJ đạt KQKD quý 3 tích cực, bất chấp sức mua suy yếu nhờ việc chiếm lĩnh được thị phần - Kỳ vọng sức mua cải thiện trong quý 4 - mùa tiêu dùng cao điểm của ngành trang sức
Kinh Bắc (KBC)	10/02/2023	31,000	0.0%	-4.0%	- Kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Trảng Duệ 3 dự kiến hoàn thành pháp lý trong năm nay và ghi nhận doanh thu cho thuê bắt đầu từ 2024
Deo Ca Infrastructure (HHV)	11/01/2023	14,300	4.2%	13.1%	- Backlog 4,000 tỷ cuối 3Q2023, tương đương doanh thu xây lắp giai đoạn 2021-2022 - BOT Hữu Nghị - Chi Lăng khi hoàn thành sẽ giúp tăng lưu lượng xe - Kỳ vọng nhận hỗ trợ 2,280 tỷ VND cho dự án hầm đường bộ Đèo Cả
ACB (ACB)	11/01/2023	21,900	0.2%	1.4%	- Sau khi dịch chuyển cơ cấu tín dụng sang nhóm KHDN lớn, ACB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng tốc trong thời gian tới - Kỳ vọng tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ giảm trong 2 quý tới, giảm bớt gánh nặng trích lập
Nhon Trach 2 (NT2)	11/01/2023	24,200	1.7%	5.9%	- Kỳ vọng điện khí khả quan hơn từ 4Q2023 khi A0 tăng cường huy động từ cuối tháng 9 - Giá khí đầu vào của NT2 hiện đã hạ nhiệt đáng kể so với mức trung bình 2022 - NT2 sẽ kết thúc quá trình đại tu sau 3Q2023
Hoa Sen Group (HSG)	11/01/2023	21,300	3.1%	20.3%	- Kênh xuất khẩu hỗ trợ doanh thu - Biên lợi nhuận gộp kỳ vọng cải thiện sớm nhờ đã đẩy hết lượng hàng tồn kho giá cao - Cơ cấu tài chính an toàn
Vietinbank (CTG)	11/01/2023	29,300	-0.3%	6.9%	- Tăng trưởng tín dụng kỳ vọng đạt 12% trong năm 2023 - Giá chiết khấu sâu so với định giá
FPT (FPT)	11/01/2023	91,100	0.4%	6.7%	- Triển vọng tích cực được dẫn dắt bởi mảng CNTT - Mảng viễn thông và giáo dục duy trì tăng trưởng tích cực
Vinamilk (VNM)	11/01/2023	68,500	0.6%	-2.7%	- Biên lợi nhuận gộp tiếp tục cải thiện - Thị phần cải thiện nhờ chiến dịch thay đổi nhận diện thương hiệu

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DGC	0.1%	18.5%	70.4
VPB	0.8%	28.2%	33.7
VHM	2.4%	23.3%	28.3
HPG	1.5%	25.2%	18.7
DIG	1.5%	5.5%	12.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	0.6%	54.8%	-32.9
VCI	0.4%	22.7%	-26.9
VCB	0.0%	23.5%	-21.1
VND	1.0%	23.6%	-20.2
KBC	0.0%	21.6%	-18.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	0.3%	21.6%	5.6
IDC	1.0%	1.6%	3.5
VGS	6.1%	0.4%	2.0
NRC	4.3%	6.5%	1.0
GIC	1.4%	6.8%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	0.0%	4.7%	-3.6
VCS	-0.7%	2.8%	-1.2
TNG	1.7%	20.0%	-1.2
VIG	1.3%	1.8%	-0.6
MBS	2.4%	0.6%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	2.6%	DRC, CSM, PAC, TNC
Đồ uống	2.2%	SAB, BHN, SMB, SCD
Hàng hải	0.5%	VSC, VOS, SKG, VTO
Quản lý & phát triển bất động sản	0.4%	VHM, VIC, NVL, BCM
Cung cấp và dịch vụ thương mại	0.2%	TLG, ILB, APC, ST8

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	-5.9%	TCH, HHS, SRF, SHA
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-5.5%	MWG, FRT, CTF, HAX
Sản phẩm xây dựng	-3.0%	VGC, BMP, SHI, DAG
Chứng khoán	-3.0%	SSI, VND, HCM, VCI
Dược	-2.8%	DHG, IMP, TRA, DBD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	14.8%	HPG, HSG, NKG, KSB
Xây dựng và kỹ thuật	12.6%	DIG, HDG, VCG, PC1
Chứng khoán	11.0%	SSI, VND, HCM, VCI
Cơ sở hạ tầng & vận tải	8.8%	GMD, LGC, CII, HAH
Hàng hải	8.0%	VSC, VOS, SKG, VTO

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-7.4%	AST, VNG, DSN, DAH
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-3.9%	MWG, FRT, CTF, HAX
Vật liệu xây dựng	-2.5%	HT1, PTB, GAB, ACC
Bao bì & đóng gói	-2.1%	TDP, SVI, MCP, TPC
Vận tải hàng không & Logistics	-1.9%	TMS, SCS, STG, ASG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)			EPS CAGR (%)		ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD		
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	200,665 (8.2)	22.5	36.6	251.6	14.7	3.3	0.0	1.4	1.4	1.3	-0.5	1.9	-21.2		
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	310,335 (12.7)	26.6	4.6	5.4	35.9	22.6	18.8	1.0	0.9	2.4	4.2	4.0	-15.1		
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	118,990 (4.9)	17.8	12.1	11.8	-7.6	12.2	10.6	1.4	1.3	0.9	0.9	-0.4	-13.3		
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	521,549 (21.4)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	0.9	0.9	0.6	7.4	31.2	24.6		
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	47,534 (2.0)	11.6	24.4	22.1	13.7	8.9	10.5	1.8	1.7	0.0	-2.2	5.7	29.9		
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	403,119 (16.6)	13.9	51.5	42.3	-	2.5	3.1	1.3	1.2	1.8	-2.5	13.5	54.9		
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	99,833 (4.1)	6.3	15.7	13.3	11.7	21.2	19.8	2.8	2.2	0.0	-0.9	0.9	26.7		
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	33,558 (1.4)	12.7	11.2	8.9	-5.3	18.7	19.6	1.9	1.6	1.8	-0.4	4.2	13.4		
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	120,071 (4.9)	0.0	5.8	4.9	14.3	14.9	15.3	0.8	0.7	2.2	-2.8	1.4	15.9		
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	82,455 (3.4)	1.4	7.7	6.7	50.3	16.2	17.3	1.1	1.0	-0.3	-0.3	3.9	7.5		
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	199,339 (8.2)	0.0	11.8	8.9	18.8	9.6	11.6	1.1	1.0	0.8	-1.5	-4.2	8.1		
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	150,585 (6.2)	0.0	4.6	4.0	14.6	25.9	25.0	1.0	0.8	1.4	-1.4	2.3	20.0		
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	157,390 (6.5)	4.2	6.0	4.8	23.3	21.2	22.1	1.2	1.0	-0.3	-3.5	4.6	30.1		
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	510,175 (20.9)	14.0	7.8	4.8	26.5	17.6	22.5	1.2	0.9	2.7	-3.9	-1.9	25.1		
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	90,023 (3.7)	0.0	6.8	5.9	37.4	16.6	17.4	1.1	1.0	0.6	-1.8	3.4	10.8		
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	165,042 (6.8)	0.2	16.4	9.9	27.3	7.7	11.4	1.5	1.3	-0.8	-2.2	2.0	-8.0		
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	12,263 (0.5)	21.0	16.3	16.0	15.8	8.6	8.4	1.4	1.3	1.9	-2.9	0.3	-15.0		
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	2,629 (0.1)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.7	-1.2	2.9	8.7		
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	751,912 (30.9)	55.4	22.3	20.1	-3.2	9.1	8.8	2.1	2.0	1.3	-3.5	6.6	77.4		
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	310,085 (12.7)	71.9	34.5	24.9	-4.0	7.9	10.8	2.7	2.7	0.4	-3.3	14.2	74.8		
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	156,664 (6.4)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	1.7	-1.0	6.2	46.0		
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	517,395 (21.3)	27.2	18.2	17.9	36.3	9.3	9.3	1.7	1.6	1.0	-4.1	12.4	54.1		
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	152,376 (6.3)	42.1	18.3	15.6	4.0	28.0	30.2	4.6	4.3	0.6	-1.4	0.7	-10.0		
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	45,686 (1.9)	36.9	18.5	17.4	7.3	18.8	21.5	3.5	3.7	0.9	2.9	2.9	-22.2		
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	112,604 (4.6)	16.5	55.9	28.6	-51.9	3.9	11.7	3.2	2.9	0.7	-5.1	6.1	-34.1		
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	6,665 (0.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.0	3.2	7.8	-6.5		
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	95,961 (3.9)	11.0	132.2	30.4	-88.5	2.4	12.2	3.8	3.2	0.5	-0.1	6.7	-2.7		
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	76,731 (3.1)	10.8	9.9	18.7	-57.0	29.8	12.7	2.3	2.2	0.7	-3.6	8.0	48.7		
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	169,526 (7.0)	38.4	33.5	21.4	65.7	2.4	3.8	0.8	0.8	2.1	-3.7	11.6	30.6		
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-		
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	426,142 (17.5)	37.7	30.4	25.6	-14.4	5.1	8.9	1.5	1.4	1.4	-3.6	8.0	73.4		
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	130,050 (5.3)	3.6	19.1	17.2	-52.4	3.9	4.0	0.6	0.6	3.2	-5.9	13.0	150.9		
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	19,480 (0.8)	0.0	9.6	8.1	-4.5	13.5	13.8	1.2	1.1	0.5	-0.9	4.0	-8.0		

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	38,506 (1.6)	46.1	14.7	15.4	-17.5	19.2	18.1	2.7	2.5	0.3	-2.5	-0.8	-9.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	10,686 (0.4)	31.4	17.7	12.5	-10.5	9.0	14.6	1.6	1.6	1.7	-2.4	5.2	-16.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	726 (0.0)	34.1	12.1	6.4	-5.1	7.4	13.1	-	-	1.9	1.9	8.8	7.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	642,707 (26.4)	18.0	24.2	12.4	21.9	6.4	11.3	1.5	1.4	1.5	-1.3	14.3	48.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	76,113 (3.1)	36.5	13.5	11.5	-0.5	6.7	9.2	1.0	1.0	-1.1	-3.3	1.3	-24.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	111,408 (4.6)	46.5	15.5	10.5	-4.5	10.5	15.8	1.3	1.3	0.0	-2.5	9.5	17.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	275,868 (11.3)	38.9	18.9	15.1	67.9	6.6	8.7	1.2	1.2	3.1	-2.7	20.7	89.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	24,467 (1.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.1	-2.8	8.3	32.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	25,130 (1.0)	4.6	14.4	12.6	-51.0	12.9	12.8	1.7	1.6	0.3	-0.3	2.1	6.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	132,427 (5.4)	39.9	32.7	13.2	-11.9	4.4	7.8	1.0	1.0	-0.2	-1.8	5.8	52.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	124,689 (5.1)	35.9	8.9	7.5	2.2	15.6	15.6	1.2	1.1	1.4	0.0	1.4	16.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	447,197 (18.3)	0.0	46.3	15.6	14.4	2.0	9.7	2.3	2.1	0.0	-7.1	-9.5	-11.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	41,373 (1.7)	0.0	15.1	12.8	2.4	18.9	19.7	2.9	2.4	-0.5	-2.5	7.5	-12.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	8,979 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.4	9.4	-5.9	96.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	43,339 (1.8)	30.3	-	27.2	-75.2	-12.4	23.8	6.5	5.4	-0.2	-3.1	6.5	64.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	13,187 (0.5)	34.6	14.1	19.1	41.2	15.1	12.0	1.9	1.9	0.3	-1.5	3.3	17.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,250 (0.1)	45.4	11.6	10.7	10.7	25.9	24.4	2.7	2.4	-1.4	-3.0	0.6	20.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	200,869 (8.2)	0.0	18.3	14.9	15.5	28.1	29.6	4.7	4.1	0.4	-0.9	4.7	36.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoả phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anh1d@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

